TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.
Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bẩy và ông Trần Hữu Trung.
- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Thị Oanh là Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N sinh năm 1983, nơi thường trú thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn anh Nguyễn Nam T sinh năm 1972, nơi thường trú thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N *trình bày có nội dung:*

- *Về tình trạng hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Nam T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 26/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách hai người trái ngược nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, khiến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau và sống ly thân với nhau kể từ giữa năm 2022 cho tới nay, quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Nam T.

- *Về con chung:* trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có hai con chung Nguyễn Phương L sinh ngày 30/12/2010 và Nguyễn Hoàng D sinh ngày

16/12/2015, chị N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Phương L và Nguyễn Hoàng D, yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con cho hai con chung. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/01/2023 chị N thay đổi một phần yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung cụ thể chị N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương L cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng D cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N và anh T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, thống nhất với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Nam T không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ cho anh T: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ

Tại biên bản lấy lời khai của anh T tại thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh ngày 06/12/2022 anh T trình bày nội dung: Anh T và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2009 theo quy định, quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được 13 năm thì nảy sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn đến tháng 5/2022 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng dẫn đến hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó cho tới nay, khi ly thân không ai quan tâm đến ai, không thể ngồi lại nói chuyện được với nhau. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, anh T xác định tình cảm vẫn còn với chị N nên không đồng ý ly hôn. Anh T với chị N có hai con chung Nguyễn Phương L sinh ngày 30/12/2010 và Nguyễn Hoàng D sinh ngày 16/12/2015, anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Còn về tài sản chung vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, thống nhất với nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/12/2022 trưởng thôn T, xã B, thị xã Đ cung cấp nội dung: Anh T với chị N kết hôn với nhau năm 2009 có làm thủ tục theo quy định pháp luật, về chung sống với nhau tại thôn T, xã B, thị xã Đ, thời gian đầu vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế, tình cảm và vợ chồng đã sống ly thân nhau kể từ tháng 5/2022 tới nay, nay chị N có yêu cầu ly hôn anh T địa phương không có ý kiến gì, còn về con chung đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: chị N giữ nguyên quan điểm như tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công

khai chứng cứ ngày 05 tháng 01 năm 2023 cụ thể chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Nam T, chị N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương L cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng D cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, thống nhất với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Nam T vắng mặt không lý do, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ cho anh T Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn với anh Nguyễn Nam T, giao chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương L cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng D cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, thống nhất với nhau còn nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều.

[1]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con số: 368/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N sinh năm 1983, nơi cư trú thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh với bị đơn anh Nguyễn Nam T sinh năm 1972, nơi cư trú thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nên Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều

T hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Nam T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn mười năm, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai người trái ngược nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, khiến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau và sống ly thân với nhau kể từ giữa năm 2022 cho tới nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt để tham gia hòa giải tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ cho anh T thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án. Cho nên, xác định anh T cũng không có nguyện vọng tham gia hòa giải do Tòa án T hành để về đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Chị N và anh T có hai con chung Nguyễn Phương L sinh ngày 30/12/2010 và Nguyễn Hoàng D sinh ngày 16/12/2015. Tại đơn khởi kiện chị N có nguyện vọng nhận nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con cho hai con chung. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/01/2023 chị N thay đổi một phần yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung cụ thể chị N nhận nuôi con chung Nguyễn Phương L, giao anh T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thay đổi của chị N không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị N. Xét chị N và anh T đều có công việc, thu nhập ổn định, sau khi xem xét điều kiện, nguyện vọng của chị N, anh T cũng như nguyện vọng của các con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng giao chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương L là hoàn toàn phù hợp, phù hợp với nguyện vọng của cháu L; giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng D là hoàn toàn phù hợp, phù hợp với nguyện vọng của cháu D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5]. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1.1 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Nam T.

2. Về con chung:

2.1 Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương L sinh ngày 30/12/2010 kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2 Giao anh Nguyễn Nam T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng D sinh ngày 16/12/2015 kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

2.3 Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N, anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T, chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009725 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Nam T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND thị xã Đông Triều;
-Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
-UBND xã Bình Khê, thị xã Đông Triều (Nơi đăng ký kết hôn);
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường